TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2023/HNGD-ST Ngày 19 tháng 5 năm 2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lường Văn Hưởng**

2. Bà: **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuân – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HN&GĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N, sinh năm 1999**

Nơi cư trú: Bản CM, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên *(Có mặt).*

Bị đơn: Anh **Lò Văn Kh, sinh năm 1991**

Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 17/02/2023; tại bản tự khai ngày 24/02/2023 nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi (N) và Lò Văn K đăng kí kết hôn ngày 13/9/2017 tại UBND Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau, không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới vợ chồng tôi chuyển về sinh sống tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh K nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặc dù tôi và hai bên gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh K vẫn không từ bỏ, cuộc sống chung của vợ chồng tôi vẫn không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay tôi bỏ về nhà bố mẹ ở bản CM, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên sống, tôi và anh K sống ly thân từ đó đến nay. Nay tôi thấy đời sống chung giữa vợ chồng tôi không

thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Lò Văn K.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung là cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A, cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và anh Kkhông có.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn K mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh K vẫn vắng mặt tại các buổi hoà giải công khai chứng cứ. Tại phiên toà anh Lò Văn K có mặt trình bày như sau:

Về hôn nhân: Tôi (K) và chị Lò Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2017 tại UBND N C, huyện MA, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh những mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2021 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản CM, xã XL, huyện MA. Mặc dù tôi và bố mẹ đã động viên rất nhiều lần nhưng chị N vẫn không quay về. Tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị N và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị Lò Thị N có 02 người con chung là cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019. Nguyện vọng của tôi về việc giải quyết con chung là tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Không có.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn K; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị N và anh K và xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị N.

Trong quá trình thụ lý giải quyết chị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, Tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân**: Tuyên bố chị Lò Thị N được ly hôn anh Lò Văn K.

- **Về Con chung**: Chấp nhận sự thoả thuận của chị N, anh K: Giao cháu là cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019 cho anh Ktrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị N, anh Kkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Anh K, chị N không có.

- **Án phí**: Chị N là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 20/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tống đạt cho bị đơn là anh Lò Văn K, anh K vắng nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 10/4/2023 chị Lò Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn là anh Lò Thị N có đơn xin hoãn phiên toà, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 19/5/2023.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lò Thị N giữ nguyên ý kiến về việc ly hôn với anh Lò Văn Văn K như đơn khởi kiện;

Tại phiên toà anh Lò Văn K có mặt.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Lò Thị N và anh Lò Văn K tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết

hôn ngày 13/9/2017 tại UBND NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị N, anh K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không K quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay chị bỏ về nhà bố mẹ ở bản CM, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên sống, chị và anh K sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị N. Tuyên xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn khộ.

Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn K có 02 người con chung là cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019.

Tại phiên toà chị N, anh Kthoả thuận được về việc giao nuôi 02 cháu A và B sau khi ly hôn: Giao cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019 cho anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Lò Duy A và cháu Lò Thuý B đang sinh sống ổn định cùng với anh K, ông bà nội và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng chị N, anh K.

Chị N, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thoả thuận của chị N, anh K về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị N.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị N: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Lò Duy A, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Lò Thúy B, sinh ngày 18/03/2019 cho anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị N, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Chị N, anh K không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị N.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị N, anh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Ngối Cáy;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân